BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1478 /QĐ-ĐHH	*Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 10 năm 2020*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ
ĐẾN Số: 1459
Ngày: 08.10.20
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" và 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025";

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Trưởng các Ban: Đào tạo và Công tác sinh viên; Thanh tra và Pháp chế; Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất; Thủ trưởng các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế có đào tạo đại học; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Các Phó Giám đốc; - Lưu: VT, ĐTCTSV. NTN.	**GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Quang Linh**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐẠI HỌC HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1478 /QĐ-ĐHH ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc dạy và học ngoại ngữ không chuyên (NNKC) trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học có khối kiến thức NNKC của tất cả các loại hình đào tạo (chính quy, bằng đại học thứ 2, liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, đào tạo từ xa và vừa làm vừa học) tại Đại học Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế có đào tạo trình độ đại học (sau đây gọi tắt là đơn vị đào tạo) và các cá nhân liên quan đến việc dạy và học NNKC. Các đơn vị đào tạo có thể ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể để sinh viên hiểu và thực hiện không trái với quy định này.

3. Quy định này không áp dụng đối với các CTĐT dạy bằng tiếng nước ngoài, các CTĐT liên kết nước ngoài có các yêu cầu ngoại ngữ riêng và các CTĐT không có khối kiến thức NNKC theo phê duyệt của Giám đốc Đại học Huế.

4. Không bắt buộc áp dụng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu ra đối với sinh viên Lào và Campuchia theo hướng dẫn tại Công văn số 7500/BGDĐT-GDĐH ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đối với lưu học sinh học đại học Lào và Campuchia.

Điều 2. Ngoại ngữ được đào tạo

1. Sinh viên được chọn học một trong các ngoại ngữ do Đại học Huế quy định: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc và tiếng Nga.

2. Nếu CTĐT của ngành quy định ngôn ngữ bắt buộc đối với khối kiến thức NNKC thì sinh viên phải học NNKC theo ngôn ngữ đã quy định.

3. Ngoại ngữ dùng để xét tốt nghiệp không bắt buộc phải trùng với NNKC hoặc ngoại ngữ chuyên ngành mà sinh viên đã đăng ký học.

4. Sinh viên nước ngoài theo học các CTĐT tại Đại học Huế được học NNKC là một trong các ngoại ngữ (không trùng với tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ sử dụng là ngôn ngữ thứ hai của sinh viên) được quy định tại khoản 1 Điều này hoặc tiếng Việt cho người nước ngoài đang được giảng dạy tại một trong các cơ sở đào tạo tiếng Việt dành cho người nước ngoài được công nhận ở Việt Nam.

Điều 3. Trình độ ngoại ngữ không chuyên

1. Đạt chuẩn khối kiến thức NNKC là yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên khi tốt nghiệp.

2. Sinh viên học NNKC phải đạt chuẩn đầu ra theo quy định của đơn vị đào tạo, nhưng tối thiểu phải đạt bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm

2014 hoặc Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sinh viên có thể hoàn thành khối lượng kiến thức để đạt được trình độ NNKC trước thời gian quy định (học kỳ 4) và ở trình độ cao hơn quy định để phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.

Điều 4. Văn bằng và chứng chỉ công nhận trình độ ngoại ngữ tương đương, thay thế

Sinh viên được phép dùng các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận năng lực ngoại ngữ dưới đây để hội đủ điều kiện (miễn học khối kiến thức NNKC và được xác nhận đạt chuẩn đầu ra làm cơ sở xét tốt nghiệp) được nêu tại khoản 2, Điều 3 của Quy định này:

1. Văn bằng

a) Văn bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học tại nước ngoài mà ngôn ngữ được sử dụng trong đào tạo là một trong các ngôn ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2;

b) Văn bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học trong nước mà ngôn ngữ được sử dụng toàn phần trong đào tạo (không qua phiên dịch) là một trong các ngôn ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2;

c) Văn bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, là một trong các ngôn ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2;

2. Chứng chỉ ngoại ngữ trong nước, chứng nhận năng lực ngoại ngữ

a) Chứng chỉ ngoại ngữ của các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho tổ chức đánh giá và cấp theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Chứng nhận năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tổ chức đánh giá và cấp;

c) Chứng nhận năng lực tiếng Việt do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tổ chức đánh giá và cấp cho sinh viên nước ngoài;

d) Chứng chỉ năng lực tiếng Việt do các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho tổ chức đánh giá và cấp;

3. Các loại chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được liệt kê ở Phụ lục kèm theo Quy định này. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác phải được Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế thẩm định.

4. Đối với các CTĐT có quy định ngôn ngữ bắt buộc cho NNKC thì các chứng chỉ ngoại ngữ nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải là ngôn ngữ tương ứng.

5. Kết quả học tập NNKC tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế được bảo lưu và sinh viên được cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương ứng với kết quả học tập tại thời điểm cần xét tốt nghiệp. Thời gian bảo lưu không quá thời gian học tập tối đa được quy định đối với CTĐT theo học.

6. Sinh viên khi đăng ký học NNKC nếu nộp các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận năng lực ngoại ngữ được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này cho Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sẽ được miễn học toàn bộ hoặc một số tín chỉ NNKC. Số

tín chỉ được miễn tùy thuộc vào trình độ năng lực ngoại ngữ đạt được được ghi trên văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của sinh viên.

Điều 5. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo NNKC được biên soạn trên cơ sở tham khảo các bậc năng lực của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định trong Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình đào tạo NNKC tiếng Việt dành cho người nước ngoài được biên soạn theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2. CTĐT của các ngành đào tạo trình độ đại học của các đơn vị đào tạo phải điều chỉnh theo hướng đưa 7 tín chỉ khối kiến thức NNKC vào khung CTĐT, cụ thể:

Khung CTĐT mỗi ngành cần ghi rõ: "Khối kiến thức NNKC theo quy định của Đại học Huế" (được hiểu là: Sinh viên có thể đăng ký một trong các ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2) hoặc ghi rõ ngôn ngữ cụ thể cho khối kiến thức NNKC (nếu có), ví dụ: "Khối kiến thức NNKC: tiếng Anh".

3. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm phối hợp cùng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế xây dựng kế hoạch đào tạo để sinh viên tập trung học tập và đạt chuẩn khối kiến thức NNKC trong hai năm đầu (từ học kỳ 1 đến học kỳ 4) của khoá học để làm nền tảng cho việc học ngoại ngữ chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học.

4. Kết quả đánh giá khối kiến thức NNKC để xét tốt nghiệp chỉ ghi "Đạt" hay "Không đạt", không thể hiện bằng điểm trong bảng điểm của sinh viên. Kết quả học tập NNKC không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học.

Điều 6. Tổ chức dạy học

1. Giám đốc Đại học Huế giao cho Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức dạy học khối kiến thức NNKC, kể cả Tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài hệ chính quy; căn cứ vào kết quả thi hết cấp độ để xác nhận đạt bậc trình độ ngoại ngữ nào theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và gửi cho các đơn vị đào tạo để làm cơ sở xét tốt nghiệp. Riêng ngoại ngữ chuyên ngành của các ngành đào tạo, đơn vị đào tạo tổ chức cho giảng viên chuyên ngành tốt nghiệp các chương trình của ngôn ngữ đó đảm nhận khi có giáo trình hoặc bài giảng theo đúng quy định.

2. Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức dạy học, thi hết cấp độ, xác nhận và cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ cho sinh viên theo quy trình sau:

a) Tổ chức kiểm tra đầu vào để xếp lớp theo cấp độ học NNKC cho sinh viên năm thứ nhất. Sinh viên chỉ được miễn học 7 tín chỉ NNKC nếu đạt chuẩn quy định trong kỳ kiểm tra đầu vào theo quy định của Trường, nhưng phải dự thi kỳ thi hết cấp độ để có thể nhận được chứng nhận dùng để xét tốt nghiệp.

b) Trong trường hợp sinh viên đã có văn bằng, chứng chỉ như đã được nêu tại khoản 1, 2, 3 của Điều 4 và đáp ứng điều kiện đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ tối thiểu theo quy định của CTĐT thì Trường phải có công nhận đạt chuẩn, miễn tham gia học, thi hết cấp độ và thông báo tới đơn vị đào tạo để có cơ sở xét tốt nghiệp sau này.

c) Tổ chức các lớp học NNKC vào buổi sáng, buổi chiều và buổi tối tại các cơ sở của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế hoặc các địa điểm đặt lớp của

Trường; thông báo rộng rãi lịch học của những lớp này đến các đơn vị đào tạo để sinh viên chọn và đăng ký lớp học phù hợp với năng lực đã được xác định qua kiểm tra và kế hoạch học tập của cá nhân.

d) Tổ chức dạy học theo chương trình đã được phê duyệt.

đ) Đánh giá và cấp chứng nhận đạt chuẩn kiến thức NNKC cho sinh viên, gửi cho các đơn vị đào tạo để làm cơ sở xét tốt nghiệp.

3. Đối với các các loại hình đào tạo không chính quy: Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức dạy, học và công nhận kết quả khối kiến thức NNKC cho sinh viên của đơn vị mình theo đúng quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Thời hạn hoàn thành chương trình và đạt chuẩn kiến thức NNKC

1. Sinh viên cần phải học NNKC từ năm thứ nhất và đạt được chuẩn kiến thức NNKC theo trình độ nêu tại Điều 3 của Quy định này vào cuối học kỳ 4 để thuận tiện cho việc học ngoại ngữ chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học.

2. Trong trường hợp chưa đạt chuẩn kiến thức NNKC vào cuối học kỳ 4, sinh viên vẫn được theo học ngoại ngữ chuyên ngành theo CTĐT đã đăng ký.

Điều 8. Điều kiện về NNKC để xét tốt nghiệp

Sinh viên đáp ứng một trong hai điều kiện sau sẽ được xét tốt nghiệp:

1. Được công nhận đạt khối kiến thức NNKC;

2. Có các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng với chuẩn đầu ra của CTĐT theo học và các quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4.

Điều 9. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Trách nhiệm của Đại học Huế

a) Hướng dẫn Trường Đại học Ngoại ngữ và các đơn vị đào tạo thực hiện Quy định này.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này tại Trường Đại học Ngoại ngữ và các đơn vị đào tạo.

2. Trách nhiệm của Trường Đại học Ngoại ngữ

a) Xây dựng và ban hành quy định kiểm tra đánh giá và hướng dẫn chi tiết để tổ chức và quản lý đào tạo ngoại ngữ không chuyên trên cơ sở nội dung của Quy định này.

b) Biên soạn, công bố CTĐT các bậc 1/6 (Al), 2/6 (A2), 3/6 (B1) cho tất cả các khối NNKC và tiếng Việt dành cho người nước ngoài được dạy tại Trường.

c) Cập nhật, công bố điểm tương đương của các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để các đơn vị đào tạo xét thay thế chứng chỉ, chứng nhận của Trường Đại học Ngoại ngữ khi có thay đổi.

d) Tổ chức và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động giảng dạy NNKC trong phạm vi áp dụng Quy định này.

đ) Phối hợp với Ban Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất - Đại học Huế và các đơn vị để xây dựng phương án thu và sử dụng học phí.

e) Hàng năm tổ chức đánh giá công tác dạy học NNKC và báo cáo cho Giám đốc Đại học Huế.

3. Trách nhiệm của các đơn vị đào tạo

a) Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ trong việc tổ chức dạy và học NNKC cho sinh viên của đơn vị mình.

b) Hướng dẫn sinh viên đăng ký học NNKC theo ngôn ngữ đã được quy định cho học phần ngoại ngữ trong CTĐT.

c) Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ trong việc xác nhận danh sách sinh viên tham gia học NNKC, làm hợp đồng và thanh toán học phí theo quy định của Đại học Huế.

d) Đối với các các loại hình đào tạo không chính quy: Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức dạy, học và công nhận kết quả khối kiến thức NNKC cho sinh viên của đơn vị mình theo đúng quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Rà soát lại tình hình học NNKC của những sinh viên chưa tốt nghiệp để có hướng dẫn kịp thời khi Quy định này có hiệu lực.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoá đào tạo đại học như sau:

1. Đối với các khóa đào tạo đại học chính quy tốt nghiệp từ năm học 2020 - 2021 trở về sau.

2. Đối với các loại hình đào tạo Bằng đại học thứ 2, Liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, Đào tạo từ xa và Vừa làm vừa học áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Đại học Huế qua Ban Đào tạo và Công tác sinh viên để tổng hợp báo cáo Giám đốc Đại học Huế xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Quang Linh

Phụ lục

Bảng công nhận chuyển đổi tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ NNKC trong các chương trình đào tạo tại Đại học Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1478 /QĐ-ĐHH ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

Ngoại ngữ	Chứng chỉ quốc tế	Cấp độ của ngoại ngữ không chuyên			
		A1 (1/6)	A2 (2/6)	B1 (3/6)	B2 (4/6)
Tiếng Anh	IELTS	2.5	3.5	4.5	5.5
	TOEFL iBT	30	40	50	65
	TOEFL ITP		337	450	500
	Cambridge ESOL	KET (45 điểm)	KET (70 điểm)	FCE (45 điểm) PET (65 điểm) KET (90 điểm)	FCE (60 điểm) PET (80 điểm)
	TOEIC	300	380	450	600
	CEFR	A1	A2	B1	B2
Tiếng Pháp	DELF	A1	A2	B1	B2
Tiếng Trung	TOCFL	A1	A2	B2	B2
	HSK	HSK cấp 1 (120 điểm)	HSK cấp 2 (120 điểm)	HSK cấp 3 (180 điểm)	HSK cấp 4 (180 điểm)
Tiếng Nhật	JLPT	N5 (40 điểm)	N5 (60 điểm)	N4 (80 điểm)	N3 (120 điểm)
	TOPJ	N5 (90 điểm)	N5 (120 điểm)	N4 (180 điểm)	N3 (320 điểm)
	NAT-TEST	N5 (50 điểm)	N5 (70 điểm)	N4 (90 điểm)	N3 (150 điểm)
Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK I (Level 1: 80 điểm)	TOPK I (Level 2: 140 điểm)	TOPK I (Level 2: 180 điểm)	TOPIK II (Level 4: 150 điểm)
Tiếng Nga	TRKI			TRKI-l	TRKI-2
Tiếng Đức				B1 ZD	